

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

*(Thành lập tại nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)*

**BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN**

**Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**

**MỤC LỤC**

<b><u>NỘI DUNG</u></b>	<b><u>TRANG</u></b>
BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC	1
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	2 - 3
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	4 - 5
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	6
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	7
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	8 - 25

## **BÁO CÁO CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

### **HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN GIÁM ĐỐC**

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

#### **Hội đồng Quản trị**

Bà Lê Hải Liễu	Chủ tịch
Ông Lê Hồng Thắng	Phó Chủ tịch
Ông Lê Hồng Thành	Thành viên
Ông Trần Xuân Nam	Thành viên
Ông Nguyễn Công Hiếu	Thành viên

#### **Ban Giám đốc**

Ông Lê Hồng Thắng	Tổng Giám đốc
Ông Lê Hồng Thành	Phó Tổng Giám đốc
Bà Nguyễn Thị Thanh Huyền	Giám đốc Hành chính Nhân sự

### **TRÁCH NHIỆM CỦA BAN GIÁM ĐỐC**

Ban Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Ban Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng sổ kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính.

Thay mặt và đại diện cho Ban Giám đốc,



**Lê Hồng Thắng**  
**Tổng Giám đốc**

Ngày 30 tháng 3 năm 2015



Số: 471 /VN1A-HC-BC

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: **Các Cổ đông, Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc  
Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (gọi tắt là "Công ty") được lập ngày 30 tháng 3 năm 2015, từ trang 4 đến trang 25, bao gồm bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và bản thuyết minh báo cáo tài chính (gọi chung là "báo cáo tài chính").

### **Trách nhiệm của Ban Giám đốc**

Ban Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### **Trách nhiệm của Kiểm toán viên**

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### **Ý kiến của Kiểm toán viên**

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

### Vấn đề khác

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 được kiểm toán bởi một công ty kiểm toán khác với báo cáo kiểm toán độc lập được phát hành ngày 31 tháng 3 năm 2014 đưa ra ý kiến chấp nhận toàn phần.



**Võ Thái Hòa**

**Phó Tổng Giám đốc**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0138-2013-001-1

*Thay mặt và đại diện cho*

**Công ty TNHH Deloitte Việt Nam**

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Phạm Văn Tân**

**Kiểm toán viên**

Chứng nhận đăng ký hành nghề kiểm toán  
số 0401-2013-001-1





**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**  
 Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

Mẫu B 01-DN

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b> (100=110+120+130+140+150)	<b>100</b>		<b>230.638.862.930</b>	<b>187.585.196.741</b>
<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>110</b>	<b>5</b>	<b>2.917.656.003</b>	<b>3.499.241.715</b>
1. Tiền	111		517.656.003	999.241.715
2. Các khoản tương đương tiền	112		2.400.000.000	2.500.000.000
<b>II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	<b>120</b>	<b>6</b>	<b>134.100.000.000</b>	<b>91.000.000.000</b>
1. Đầu tư ngắn hạn	121		134.100.000.000	91.000.000.000
<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>130</b>		<b>22.143.530.499</b>	<b>25.927.946.657</b>
1. Phải thu khách hàng	131		15.003.939.877	20.993.457.039
2. Trả trước cho người bán	132		5.132.039.177	3.164.875.217
3. Các khoản phải thu khác	135		2.007.551.445	1.769.614.401
<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>140</b>	<b>7</b>	<b>65.747.988.721</b>	<b>64.376.013.886</b>
1. Hàng tồn kho	141		67.985.997.721	66.857.316.387
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(2.238.009.000)	(2.481.302.501)
<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>150</b>		<b>5.729.687.707</b>	<b>2.781.994.483</b>
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151		339.929.399	445.239.520
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		4.895.672.126	1.773.888.386
3. Tài sản ngắn hạn khác	158		494.086.182	562.866.577
<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b> (200=210+220+260)	<b>200</b>		<b>79.069.016.953</b>	<b>76.181.328.670</b>
<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>210</b>		<b>52.757.884</b>	-
1. Phải thu dài hạn khác	218		52.757.884	-
<b>II. Tài sản cố định</b>	<b>220</b>		<b>52.598.968.793</b>	<b>48.616.794.778</b>
1. Tài sản cố định hữu hình	221	<b>8</b>	27.606.489.574	30.215.414.183
- Nguyên giá	222		70.817.269.022	69.526.949.800
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(43.210.779.448)	(39.311.535.617)
2. Tài sản cố định vô hình	227	<b>9</b>	12.221.347.183	12.474.610.003
- Nguyên giá	228		15.019.114.013	15.019.114.013
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.797.766.830)	(2.544.504.010)
3. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	<b>10</b>	12.771.132.036	5.926.770.592
<b>III. Tài sản dài hạn khác</b>	<b>260</b>		<b>26.417.290.276</b>	<b>27.564.533.892</b>
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	<b>11</b>	25.554.480.884	26.766.641.526
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	<b>12</b>	592.809.392	527.892.366
3. Tài sản dài hạn khác	268		270.000.000	270.000.000
<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)</b>	<b>270</b>		<b>309.707.879.883</b>	<b>263.766.525.411</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Mẫu B 01-DN**

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	31/12/2014	31/12/2013
<b>A. NỢ PHẢI TRẢ (300=310+330)</b>	<b>300</b>		<b>106.106.578.036</b>	<b>88.999.891.397</b>
<b>I. Nợ ngắn hạn</b>	<b>310</b>		<b>103.020.808.036</b>	<b>86.276.426.397</b>
1. Vay và nợ ngắn hạn	311	13	53.273.735.370	37.205.114.839
2. Phải trả người bán	312		8.437.256.164	9.769.895.826
3. Người mua trả tiền trước	313		5.015.414.257	3.692.211.107
4. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	14	4.498.401.215	9.687.444.780
5. Phải trả người lao động	315		4.894.668.877	4.824.414.000
6. Chi phí phải trả	316	15	19.902.634.618	18.165.144.133
7. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319		411.689.458	455.849.966
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323		6.587.008.077	2.476.351.746
<b>II. Nợ dài hạn</b>	<b>330</b>		<b>3.085.770.000</b>	<b>2.723.465.000</b>
1. Phải trả dài hạn khác	333		3.085.770.000	2.723.465.000
<b>B. VỐN CHỦ SỞ HỮU (400=410)</b>	<b>400</b>		<b>203.601.301.847</b>	<b>174.766.634.014</b>
<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>	<b>410</b>	<b>16</b>	<b>203.601.301.847</b>	<b>174.766.634.014</b>
1. Vốn cổ phần	411		103.723.650.000	103.723.650.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		2.856.593.370	2.856.593.370
3. Quỹ đầu tư phát triển	417		9.688.104.867	9.688.104.867
4. Quỹ dự phòng tài chính	418		8.981.235.647	8.981.235.647
5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		78.351.717.963	49.517.050.130
<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)</b>	<b>440</b>		<b>309.707.879.883</b>	<b>263.766.525.411</b>

**CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN**

Ngoại tệ - Đô la Mỹ ("USD")

31/12/2014	31/12/2013
3.949	33.202

Trần Nguyễn Việt Trung  
Người lậpBùi Phương Thảo  
Kế toán trưởngLê Hồng Thắng  
Tổng Giám đốc

Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**Mẫu B 02-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	2014	2013
1. Doanh thu gộp	01		265.150.085.832	238.360.193.177
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		1.070.893.162	993.263.788
3. Doanh thu thuần (10=01-02)	10	17	264.079.192.670	237.366.929.389
4. Giá vốn hàng bán	11		172.246.595.661	156.792.641.530
5. Lợi nhuận gộp (20=10-11)	20		91.832.597.009	80.574.287.859
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	20	7.499.097.817	6.733.271.541
7. Chi phí tài chính	22	21	1.900.227.907	2.210.703.635
8. Chi phí bán hàng	24		15.278.551.032	13.829.152.229
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	25		17.785.949.975	20.487.138.317
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(24+25))	30		64.366.965.912	50.780.565.219
11. Thu nhập khác	31		3.609.982.146	2.708.583.135
12. Chi phí khác	32		877.529.232	1.780.753.651
13. Lợi nhuận khác (40=31-32)	40	22	2.732.452.914	927.829.484
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		67.099.418.826	51.708.394.703
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	23	15.533.571.038	14.191.657.228
16. (Thu nhập)/chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	12	(64.917.026)	1.152.970.341
17. Lợi nhuận sau thuế (60=50-51-52)	60		<b>51.630.764.814</b>	<b>36.363.767.134</b>

**Trần Nguyễn Việt Trung**  
Người lập**Bùi Phương Thảo**  
Kế toán trưởng**Lê Hồng Thắng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Mẫu B 03-DN**

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	2014	2013
<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	67.099.418.826	51.708.394.703
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	4.448.953.973	5.701.863.486
Các khoản dự phòng	03	(243.293.501)	1.481.302.501
Lỗ/(lãi) chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	164.830.897	(178.712.130)
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(6.912.929.949)	(5.734.219.479)
Chi phí lãi vay	06	889.581.412	1.101.597.106
3. Lợi nhuận kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	65.446.561.658	54.080.226.187
Thay đổi các khoản phải thu	09	1.277.806.007	(957.846.188)
Thay đổi hàng tồn kho	10	(1.128.681.334)	(1.541.733.647)
Thay đổi các khoản phải trả	11	2.108.213.282	6.110.521.662
Thay đổi chi phí trả trước	12	1.317.470.763	1.457.195.904
Tiền lãi vay đã trả	13	(889.581.412)	(1.115.009.459)
Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(20.758.498.467)	(10.390.440.445)
Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	-	116.719.000
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.052.420.150)	(4.517.320.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	46.320.870.347	43.242.313.014
<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
1. Tiền chi mua sắm tài sản cố định và tài sản dài hạn khác	21	(8.667.055.531)	(2.410.193.573)
2. Tiền thu do bán tài sản cố định	22	188.363.851	1.304.053.046
3. Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn	23	(43.100.000.000)	(43.100.000.000)
4. Lãi tiền gửi ngân hàng đã nhận	27	6.473.543.728	4.619.949.633
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	(45.105.147.952)	(39.586.190.894)
<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
1. Tiền vay nhận được	33	128.383.741.363	99.181.288.283
2. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(112.626.175.560)	(115.705.462.340)
3. Cổ tức đã trả	36	(17.622.264.600)	(18.665.798.400)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.864.698.797)	(35.189.972.457)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(648.976.402)	(31.533.850.337)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	3.499.241.715	34.976.093.331
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	67.390.690	56.998.721
Tiền và tương đương tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	2.917.656.003	3.499.241.715

Trần Nguyễn Việt Trung  
Người lậpBùi Phương Thảo  
Kế toán trưởngLê Hồng Thắng  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

Các thuyết minh kèm theo từ trang 8 đến trang 25 là bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Mẫu B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**1. THÔNG TIN CHUNG**

**Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Chế biến Gỗ Đức Thành (gọi tắt là "Công ty") được thành lập tại Việt Nam theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0301449014 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 13 tháng 01 năm 2012, và các giấy chứng nhận điều chỉnh. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh này điều chỉnh cho Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 4103000126 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 08 tháng 8 năm 2000, và các giấy chứng nhận điều chỉnh.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 948 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 1.021 người).

**Hoạt động chính**

Hoạt động chính của Công ty là sản xuất các sản phẩm đồ gỗ gia dụng, cán chổi, cán cờ, ván ghép và đồ chơi trẻ em bằng gỗ.

**2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH**

**Cơ sở lập báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng đồng Việt Nam ("VND" hoặc "đồng"), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

**Năm tài chính**

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

**3. HƯỚNG DẪN KẾ TOÁN MỚI ĐÃ BAN HÀNH NHƯNG CHƯA ÁP DỤNG**

Ngày 22 tháng 12 năm 2014, Bộ Tài chính đã ban hành Thông tư số 200/2014/TT-BTC ("Thông tư 200") hướng dẫn áp dụng chế độ kế toán cho doanh nghiệp. Thông tư này sẽ có hiệu lực cho năm tài chính bắt đầu vào hoặc sau ngày 01 tháng 01 năm 2015. Thông tư 200 thay thế cho các quy định về chế độ kế toán doanh nghiệp ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ Tài chính và Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính. Ban Giám đốc Công ty đang đánh giá mức độ ảnh hưởng của việc áp dụng Thông tư này đến các báo cáo tài chính trong tương lai của Công ty.

**4. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU**

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính:

**Ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày kết thúc niên độ kế toán cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Giám đốc, số liệu phát sinh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)**

**MẪU SỐ B 09-DN**

*Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

**Công cụ tài chính**

**Ghi nhận ban đầu**

*Tài sản tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó. Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền và các khoản tương đương tiền, các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn, các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác, và các khoản ký quỹ.

*Công nợ tài chính:* Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó. Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản vay, các khoản phải trả người bán và các khoản phải trả khác, và chi phí phải trả.

**Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu**

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

**Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, các khoản tiền gửi không kỳ hạn, các khoản đầu tư ngắn hạn, có khả năng thanh khoản cao, dễ dàng chuyển đổi thành tiền và ít rủi ro liên quan đến việc biến động giá trị.

**Dự phòng phải thu khó đòi**

Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập cho những khoản phải thu đã quá hạn thanh toán từ sáu tháng trở lên, hoặc các khoản phải thu mà người nợ khó có khả năng thanh toán do bị thanh lý, phá sản hay các khó khăn tương tự.

**Hàng tồn kho**

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung, nếu có, để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá gốc của hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Tài sản cố định hữu hình và khấu hao**

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:





**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Số năm**

Nhà xưởng và vật kiến trúc	10 - 25
Máy móc, thiết bị	4 - 12
Phương tiện vận tải	3 - 9
Thiết bị văn phòng	6 - 10

**Thuê**

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh phát sinh trong suốt thời gian thuê theo phương pháp đường thẳng.

**Tài sản cố định vô hình và khấu hao**

Tài sản cố định vô hình thể hiện giá trị quyền sử dụng đất và phần mềm máy tính, được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Quyền sử dụng đất có thời hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian sử dụng lô đất. Quyền sử dụng đất không thời hạn thì không tính khấu hao. Phần mềm máy tính được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong ba năm.

**Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

**Chi phí trả trước dài hạn**

Chi phí trả trước dài hạn chủ yếu bao gồm chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng, trả trước tiền thuê đất của các lô đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2 và Khu công nghiệp Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương và các khoản chi phí trả trước dài hạn khác.

Tiền thuê đất trả trước và chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng có liên quan được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng tương ứng với thời gian thuê. Các khoản chi phí trả trước dài hạn khác bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ, chi phí sửa chữa và được coi là có khả năng đem lại lợi ích kinh tế trong tương lai cho Công ty với thời hạn trên một năm. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước dài hạn và được phân bổ vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong vòng hai đến bốn năm.

**Ghi nhận doanh thu**

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Trợ cấp thôi việc phải trả**

Trợ cấp thôi việc cho nhân viên được trích trước vào cuối mỗi kỳ báo cáo cho toàn bộ người lao động đã làm việc tại Công ty được hơn 12 tháng cho đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức trích cho mỗi năm làm việc tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 bằng một nửa mức lương bình quân tháng theo Luật Lao động, Luật Bảo hiểm xã hội và các văn bản hướng dẫn có liên quan. Mức lương bình quân tháng để tính trợ cấp thôi việc sẽ được điều chỉnh vào cuối mỗi kỳ báo cáo theo mức lương bình quân của sáu tháng gần nhất tính đến thời điểm lập báo cáo. Tăng hay giảm của khoản trích trước này sẽ được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

**Ngoại tệ**

Công ty áp dụng xử lý chênh lệch tỷ giá theo hướng dẫn của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 10 (VAS 10) "Ảnh hưởng của việc thay đổi tỷ giá hối đoái" và Thông tư số 179/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính quy định về ghi nhận, đánh giá, xử lý các khoản chênh lệch tỷ giá hối đoái trong doanh nghiệp. Theo đó, các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh. Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các số dư tại ngày kết thúc niên độ kế toán không được dùng để chia cho cổ đông.

**Chi phí đi vay**

Chi phí lãi vay được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

**Các khoản dự phòng**

Các khoản dự phòng được ghi nhận khi Công ty có nghĩa vụ nợ hiện tại do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra, và Công ty có khả năng phải thanh toán nghĩa vụ này. Các khoản dự phòng được xác định trên cơ sở ước tính của Ban Giám đốc về các khoản chi phí cần thiết để thanh toán nghĩa vụ nợ này tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

**Thuế**

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận thuần được trình bày trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

**5. TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	27.684.307	99.601.972
Tiền gửi ngân hàng	489.971.696	899.639.743
Các khoản tương đương tiền	2.400.000.000	2.500.000.000
	<u><b>2.917.656.003</b></u>	<u><b>3.499.241.715</b></u>

Các khoản tương đương tiền thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc một tháng với lãi suất 4,8%/năm.

**6. CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN**

Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn thể hiện khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn gốc từ hơn ba tháng tới một năm với lãi suất từ 5,3%/năm đến 8,0%/năm (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: từ 6,8%/năm đến 9,0%/năm).

**7. HÀNG TỒN KHO**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Nguyên liệu, vật liệu	45.025.272.771	45.509.488.846
Công cụ, dụng cụ	1.624.870.522	2.921.470.239
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	9.771.777.769	5.893.506.046
Thành phẩm	10.268.355.101	12.532.851.256
Hàng gửi đi bán	1.295.721.558	-
	<u><b>67.985.997.721</b></u>	<u><b>66.857.316.387</b></u>
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	(2.238.009.000)	(2.481.302.501)
	<u><b>65.747.988.721</b></u>	<u><b>64.376.013.886</b></u>

Trong năm, Công ty đã trích lập thêm dự phòng hàng tồn kho với số tiền là 57.228.948 đồng (năm 2013: Công ty đã trích lập thêm dự phòng hàng tồn kho là 1.481.302.501 đồng).



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***8. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH**

	Nhà xưởng và vật kiến trúc VND	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	33.074.144.316	30.099.062.339	5.136.608.178	1.217.134.967	69.526.949.800
Tăng trong năm	64.350.000	1.616.647.727	-	-	1.680.997.727
Thanh lý	-	(390.678.505)	-	-	(390.678.505)
Tại ngày 31/12/2014	33.138.494.316	31.325.031.561	5.136.608.178	1.217.134.967	70.817.269.022
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>					
Tại ngày 01/01/2014	13.340.558.952	23.295.657.809	1.531.298.640	1.144.020.216	39.311.535.617
Khấu hao trong năm	1.581.143.579	1.977.346.282	590.696.220	46.505.072	4.195.691.153
Giảm do thanh lý	-	(296.447.322)	-	-	(296.447.322)
Tại ngày 31/12/2014	14.921.702.531	24.976.556.769	2.121.994.860	1.190.525.288	43.210.779.448
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>					
Tại ngày 31/12/2014	18.216.791.785	6.348.474.792	3.014.613.318	26.609.679	27.606.489.574
Tại ngày 31/12/2013	19.733.585.364	6.803.404.530	3.605.309.538	73.114.751	30.215.414.183

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng với giá trị là 14.838.080.615 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 16.361.349.920 đồng).

Như trình bày tại Thuyết minh số 13, Công ty đã thế chấp nhà xưởng với giá trị còn lại tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 là 12.776.383.792 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 13.549.648.216 đồng) để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

**9. TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH**

	Quyền sử dụng đất VND	Phần mềm máy tính VND	Tổng VND
<b>NGUYÊN GIÁ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	14.917.549.433	101.564.580	15.019.114.013
Tại ngày 31/12/2014	14.917.549.433	101.564.580	15.019.114.013
<b>GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ</b>			
Tại ngày 01/01/2014	2.442.939.430	101.564.580	2.544.504.010
Khấu hao trong năm	253.262.820	-	253.262.820
Tại ngày 31/12/2014	2.696.202.250	101.564.580	2.797.766.830
<b>GIÁ TRỊ CÒN LẠI</b>			
Tại ngày 31/12/2014	12.221.347.183	-	12.221.347.183
Tại ngày 31/12/2013	12.474.610.003	-	12.474.610.003

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Giá trị còn lại của quyền sử dụng đất tại ngày 31 tháng 12 năm 2014 bao gồm:

- Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn tại số 21/6D đường Phan Huy Ích, phường 14, quận Gò Vấp, thành phố Hồ Chí Minh, với giá trị còn lại là 2.100.813.399 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 2.100.813.399 đồng). Quyền sử dụng đất này không được tính khấu hao theo các quy định hiện hành.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại lô 835, bản đồ số 7, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, với giá trị còn lại là 5.999.999.988 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 6.166.666.656 đồng). Quyền sử dụng đất này được khấu hao trong 45 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 13 tháng 10 năm 2005. Như trình bày tại Thuyết minh số 12, Công ty đã thế chấp quyền sử dụng đất này để đảm bảo cho các khoản tiền vay ngân hàng.

- Quyền sử dụng đất có thời hạn tại lô 1130, bản đồ số 7, xã Tân Hiệp, huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương, với giá trị còn lại là 4.120.533.791 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 4.207.129.948 đồng). Quyền sử dụng đất này được khấu hao trong 50 năm phù hợp với Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất do Ủy ban Nhân dân tỉnh Bình Dương cấp ngày 21 tháng 4 năm 2012.

**10. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Mua máy móc thiết bị	538.119.000	679.815.360
Chi phí xây dựng nhà xưởng tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, tỉnh Bình Dương	4.970.395.296	5.246.955.232
Chi phí xây dựng nhà xưởng tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương	7.262.617.740	-
	<b>12.771.132.036</b>	<b>5.926.770.592</b>

Theo biên bản họp của Hội đồng Quản trị ngày 29 tháng 4 năm 2010, Hội đồng Quản trị đã đồng ý thông qua kế hoạch chuyển nhượng lô đất và nhà xưởng tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương do thay đổi chiến lược kinh doanh. Công ty đang tìm kiếm đối tác phù hợp cho việc chuyển nhượng.

**11. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC DÀI HẠN**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Chi phí san lấp, giải phóng mặt bằng và tiền thuê đất trả trước tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2	23.654.146.598	24.242.787.401
Trả trước tiền thuê đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3	1.186.633.225	1.215.047.113
Chi phí trả trước dài hạn khác	713.701.061	1.308.807.012
	<b>25.554.480.884</b>	<b>26.766.641.526</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**  
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃ SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***12. TÀI SẢN THUẾ THU NHẬP HOÀN LẠI**

Dưới đây là tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả do Công ty ghi nhận và sự thay đổi của các khoản mục này trong năm hiện tại và năm trước.

	Dự phòng trợ cấp thời việc VND	Chênh lệch tỷ — giá hối đoái chưa thực hiện VND	Các khoản trích trước VND	Khác VND	Tổng VND
Tại ngày 01/01/2013	560.018.750	(23.353.327)	300.764.538	843.432.746	1.680.862.707
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	(5.987.250)	(7.625.807)	(295.924.538)	(843.432.746)	(1.152.970.341)
Tại ngày 31/12/2013	554.031.500	(30.979.134)	4.840.000	-	527.892.366
Ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	78.288.100	(8.531.074)	(4.840.000)	-	64.917.026
Tại ngày 31/12/2014	632.319.600	(39.510.208)	-	-	592.809.392

**13. VAY VÀ NỢ NGẮN HẠN**

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Ngân hàng Commonwealth Bank of Australia - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Commonwealth")	32.103.331.420	21.129.109.820
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh ("Vietcombank")	21.170.403.950	3.010.389.579
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Xuất Nhập Khẩu Việt Nam - Sở Giao dịch số 1 ("Eximbank")	-	13.065.615.440
	<b>53.273.735.370</b>	<b>37.205.114.839</b>

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Commonwealth thể hiện các khoản vay bằng đô la Mỹ có hạn mức là 2.000.000 đô la Mỹ theo hợp đồng tín dụng số 600812039/LC-CBAVN ngày 13 tháng 02 năm 2012. Hợp đồng này được thế chấp bằng quyền sử dụng đất và tài sản gắn liền với đất tại nhà máy Tân Uyên, tỉnh Bình Dương (xem thuyết minh số 8 và 9). Các khoản vay chịu mức lãi suất từ 1,7%/năm đến 1,9%/năm và tiền lãi vay được thanh toán hàng tháng. Các khoản vay này được hoàn trả trong vòng 180 ngày cho từng lần giải ngân.

Vay ngắn hạn từ Ngân hàng Vietcombank thể hiện các khoản vay bằng đô la Mỹ có hạn mức là 50.000.000.000 đồng Việt Nam theo hợp đồng tín dụng số 0221/KH/14NH ngày 04 tháng 10 năm 2014. Hợp đồng này được thế chấp bằng các khoản tiền gửi tại Ngân hàng Vietcombank. Các khoản vay chịu mức lãi suất 1,9%/năm và tiền lãi vay được thanh toán hàng tháng. Các khoản vay này được hoàn trả trong vòng 6 tháng cho từng lần giải ngân.



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***14. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Thuế giá trị gia tăng	273.414.716	409.288.259
Thuế thu nhập doanh nghiệp	4.101.461.823	9.198.995.761
Thuế thu nhập cá nhân	123.524.676	79.160.760
	<u><b>4.498.401.215</b></u>	<u><b>9.687.444.780</b></u>

**15. CHI PHÍ PHẢI TRẢ**

	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Lương và thưởng	12.131.820.000	11.486.809.000
Tiền thuê đất phải trả	6.074.417.473	5.096.624.473
Phải trả khác	1.696.397.145	1.581.710.660
	<u><b>19.902.634.618</b></u>	<u><b>18.165.144.133</b></u>



THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

MẪU B 09-DN

16. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu

	Vốn cổ phần VND	Thặng dư vốn cổ phần VND	Quỹ đầu tư phát phát triển VND	Quỹ dự phòng tài chính VND	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối VND	Tổng cộng VND
Tại ngày 01/01/2013	103.723.650.000	2.856.593.370	9.688.104.867	8.981.235.647	35.459.916.710	160.709.500.594
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	36.363.767.134	36.363.767.134
Cổ tức	-	-	-	-	(18.670.257.000)	(18.670.257.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(3.636.376.714)	(3.636.376.714)
Tại ngày 31/12/2013	103.723.650.000	2.856.593.370	9.688.104.867	8.981.235.647	49.517.050.130	174.766.634.014
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	-	51.630.764.814	51.630.764.814
Cổ tức	-	-	-	-	(17.633.020.500)	(17.633.020.500)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	-	-	(5.163.076.481)	(5.163.076.481)
Tại ngày 31/12/2014	103.723.650.000	2.856.593.370	9.688.104.867	8.981.235.647	78.351.717.963	203.601.301.847

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cổ đông ngày 13 tháng 4 năm 2013, Hội đồng Quản trị đã phê duyệt tạm chia cổ tức bằng 25% mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận năm 2013 với số tiền là 25.930.912.500 đồng. Theo đó, trong năm 2013, Công ty đã công bố chỉ trả cổ tức bằng 18% mệnh giá cổ phần với số tiền là 18.670.257.000 đồng và thực tế đã thanh toán với số tiền là 18.658.868.400 đồng. Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2014, Công ty đã công bố chỉ trả cổ tức bằng 7% mệnh giá cổ phần còn lại với số tiền là 7.260.655.500 đồng.

Căn cứ Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2014 và Nghị quyết Hội đồng Quản trị ngày 02 tháng 10 năm 2014, Công ty đã công bố tạm chia cổ tức bằng 10% mệnh giá cổ phần từ lợi nhuận năm 2014 với số tiền là 10.372.365.000 đồng. Công ty đã thanh toán cổ tức với số tiền là 17.622.264.600 đồng trong năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014.

Ngoài ra, Công ty đã trích lập quỹ khen thưởng, phúc lợi bằng 10% lợi nhuận sau thuế theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông ngày 26 tháng 4 năm 2014.



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**Báo cáo tài chính****THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

<b>Cổ phần</b>	<b>31/12/2014</b>	<b>31/12/2013</b>
Số lượng cổ phần đăng ký phát hành	10.372.365	10.372.365
Số lượng cổ phần đã được phát hành và góp vốn đầy	10.372.365	10.372.365
<i>Cổ phần thưởng</i>	<i>10.372.365</i>	<i>10.372.365</i>
Số lượng cổ phần đang lưu hành	10.372.365	10.372.365
<i>Cổ phần thưởng</i>	<i>10.372.365</i>	<i>10.372.365</i>
Mệnh giá cổ phần (đồng)	10.000	10.000

Công ty chỉ có một loại cổ phần thưởng không hưởng cổ tức cố định. Cổ đông sở hữu cổ phần thưởng được nhận cổ tức khi được công bố và có quyền biểu quyết theo tỉ lệ một quyền biểu quyết cho mỗi cổ phần sở hữu tại các cuộc họp cổ đông của Công ty. Tất cả các cổ phần đều có quyền thừa hưởng như nhau đối với giá trị tài sản thuần của Công ty.

**17. DOANH THU THUẦN**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Doanh thu thuần về bán hàng	263.419.192.670	236.683.363.027
Doanh thu thuần về cung cấp dịch vụ	660.000.000	683.566.362
	<b><u>264.079.192.670</u></b>	<b><u>237.366.929.389</u></b>

**18. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Một bộ phận là một hợp phần có thể xác định riêng biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp các sản phẩm hoặc dịch vụ liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý), mỗi bộ phận này chịu rủi ro và thu được lợi ích khác biệt với các bộ phận khác. Doanh thu và lợi nhuận của Công ty chủ yếu thu được từ hoạt động sản xuất và bán đồ gỗ gia dụng và đồ chơi trẻ em bằng gỗ mà không có sự khác biệt nhiều về rủi ro cũng như tỷ suất lợi nhuận của hai mặt hàng này, do đó, Ban Giám đốc Công ty cho rằng Công ty hoạt động trong một bộ phận kinh doanh duy nhất là sản xuất và bán sản phẩm đồ gỗ. Ngoài ra, mặc dù Công ty có doanh thu từ hoạt động xuất khẩu và doanh thu từ nội địa, doanh thu từ hai hoạt động này không có sự khác biệt nhiều về rủi ro và tỷ suất lợi nhuận, do đó, không cần thiết phải trình bày thông tin về báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý cho hai loại hình doanh thu này.

**19. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ**

	<b>2014</b>	<b>2013</b>
	<b><u>VND</u></b>	<b><u>VND</u></b>
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	100.735.835.065	107.940.492.651
Chi phí nhân công	83.894.820.391	54.459.616.449
Chi phí khấu hao tài sản cố định	4.448.953.973	5.701.863.486
Chi phí dịch vụ mua ngoài	21.874.270.222	8.012.805.777
Chi phí khác	2.079.223.094	14.994.153.713
	<b><u>213.033.102.745</u></b>	<b><u>191.108.932.076</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

**20. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH**

	2014 VND	2013 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	6.960.493.641	5.666.998.768
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	452.928.190	811.467.427
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	-	178.712.130
Chiết khấu thanh toán	85.675.986	76.093.216
	<b>7.499.097.817</b>	<b>6.733.271.541</b>

**21. CHI PHÍ TÀI CHÍNH**

	2014 VND	2013 VND
Chi phí lãi vay	889.581.412	1.101.597.106
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	845.815.598	1.108.414.229
Lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	164.830.897	-
Chiết khấu thanh toán	-	692.300
	<b>1.900.227.907</b>	<b>2.210.703.635</b>

**22. LỢI NHUẬN KHÁC**

	2014 VND	2013 VND
Thu từ bán phế liệu	2.237.309.545	1.170.752.953
Thu từ thanh lý tài sản	644.728.805	1.304.053.046
Các khoản khác	727.943.796	233.777.136
<b>Thu nhập khác</b>	<b>3.609.982.146</b>	<b>2.708.583.135</b>
Giá trị còn lại của tài sản đã thanh lý	799.545.247	1.236.832.335
Các khoản khác	77.983.985	543.921.316
<b>Chi phí khác</b>	<b>877.529.232</b>	<b>1.780.753.651</b>
<b>Lợi nhuận khác</b>	<b>2.732.452.914</b>	<b>927.829.484</b>

**23. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH**

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận trước thuế	67.099.418.826	51.708.394.703
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế		
Trừ: Thu nhập không chịu thuế	(179.591.855)	(47.400.935)
Cộng: Các khoản chi phí không được khấu trừ	4.332.323.811	5.856.381.802
Thu nhập tính thuế	71.252.150.782	57.517.375.570
Thuế suất	22%	25%
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	15.675.473.172	14.379.343.893
Trừ: Chi cho lao động nữ	(55.800.000)	(72.600.000)
Điều chỉnh chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp của năm trước	(86.102.134)	(115.086.665)
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm</b>	<b>15.533.571.038</b>	<b>14.191.657.228</b>

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 22% (2013: 25%) trên thu nhập chịu thuế theo quy định hiện hành.

**24. LÃI CƠ BẢN TRÊN CỔ PHIẾU**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính trên cơ sở các số liệu sau:

	2014 VND	2013 VND
Lợi nhuận sau thuế	51.630.764.814	36.363.767.134
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	51.630.764.814	36.363.767.134
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	10.372.365	10.372.365
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>4.978</b>	<b>3.506</b>

**25. CÁC KHOẢN CÔNG NỢ TIỀM TÀNG**

Trong năm 2014, cơ quan Thuế đã thực hiện việc kiểm tra thuế thu nhập doanh nghiệp của Công ty cho giai đoạn từ năm 2008 đến năm 2011. Hiện nay Công ty đang làm việc với cơ quan Thuế và các cơ quan có liên quan để thống nhất kết quả kiểm tra cuối cùng. Do cách hiểu khác nhau trong việc áp dụng luật thuế và các quy định hiện hành khi tính thuế thu nhập doanh nghiệp hiện nay, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp và thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp được ghi nhận trong báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 có thể sẽ thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan Thuế.

**26. CÁC KHOẢN CAM KẾT CHI TIÊU VỐN**

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2014, Công ty ký hợp đồng cam kết mua máy móc và xây dựng nhà xưởng tại huyện Tân Uyên, tỉnh Bình Dương với giá trị là 2.577.341.644 đồng (tại ngày 31 tháng 12 năm 2013: 474.248.600 đồng).

**27. CAM KẾT THUÊ HOẠT ĐỘNG**

	2014 VND	2013 VND
Chi phí thuê hoạt động tối thiểu đã ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm	2.381.793.000	2.948.515.321

Tại ngày kết thúc niên độ kế toán, Công ty có các khoản cam kết thuê hoạt động không hủy ngang với lịch thanh toán như sau:

	31/12/2014 VND	31/12/2013 VND
Trong vòng một năm	1.964.415.366	2.136.985.880
Từ năm thứ hai đến năm thứ năm	5.526.076.832	4.941.943.519
Sau năm năm	33.972.012.263	35.662.935.589
	<b>41.462.504.461</b>	<b>42.741.864.988</b>



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****Mẫu số B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Cam kết thuê hoạt động thể hiện:

- Tổng số tiền thuê 4.877 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương với số tiền lần lượt là 0,2 đô la Mỹ/m<sup>2</sup>/năm đối với việc thuê đất và 0,02 đô la Mỹ/m<sup>2</sup>/tháng đối với phí cơ sở hạ tầng tính từ ngày Công ty được cấp giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh. Tiền thuê đất được chi trả ổn định trong một kỳ là 5 năm và được thanh toán định kỳ hai lần mỗi năm. Giá thuê và phí cơ sở hạ tầng lần lượt sẽ được điều chỉnh tăng sau mỗi kỳ 5 năm nhưng không quá 15% và 20% so với giá của kỳ 5 năm trước đó. Hợp đồng thuê đất có thời hạn từ ngày 15 tháng 12 năm 2006 đến 30 tháng 6 năm 2056.
- Tổng số tiền thuê và phí cơ sở hạ tầng phải trả cho việc thuê 100.000 m<sup>2</sup> đất tại Khu Công nghiệp Mỹ Phước 2, tỉnh Bình Dương với số tiền lần lượt là 0,2 đô la Mỹ/m<sup>2</sup>/năm đối với việc thuê đất (tính từ ngày 01 tháng 9 năm 2005) và 0,02 đô la Mỹ/m<sup>2</sup>/tháng (tính từ ngày 01 tháng 01 năm 2006) đối với phí cơ sở hạ tầng. Tiền thuê đất được chi trả ổn định trong một kỳ là 5 năm. Giá thuê và phí cơ sở hạ tầng lần lượt được điều chỉnh tăng sau mỗi kỳ 5 năm nhưng không quá 15% và 20% so với giá của kỳ 5 năm trước đó. Công ty sẽ được miễn 5 năm tiền thuê đất nếu trên 80% sản phẩm làm ra được xuất khẩu liên tục trong suốt thời gian hoạt động. Hợp đồng thuê có thời hạn từ ngày 10 tháng 8 năm 2007 đến 14 tháng 01 năm 2055.
- Tổng số tiền thuê 7.450 m<sup>2</sup> đất tại xã Phú An, huyện Bến Cát, tỉnh Bình Dương. Số tiền thuê là 22 triệu đồng/tháng từ ngày 01 tháng 01 năm 2010. Hợp đồng thuê có hiệu lực 10 năm từ ngày 01 tháng 01 năm 2007 đến ngày 31 tháng 12 năm 2016.
- Tổng số tiền thuê nhà tại 172 Nguyễn Văn Trỗi, phường 8, quận Phú Nhuận với số tiền là 50 triệu đồng/tháng từ ngày 07 tháng 7 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2014 và tăng lên thành 60 triệu đồng/tháng từ ngày 01 tháng 7 năm 2014. Hợp đồng thuê có thời hạn từ ngày 07 tháng 7 năm 2012 đến 30 tháng 6 năm 2016.
- Tổng số tiền thuê nhà tại Phú Mỹ Hưng, quận 7, với số tiền là 40 triệu đồng/tháng. Hợp đồng thuê có thời hạn từ ngày 01 tháng 7 năm 2012 đến 31 tháng 12 năm 2014.

**28. CÔNG CỤ TÀI CHÍNH****Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ thuần (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 13 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn của các cổ đông (bao gồm vốn cổ phần, thặng dư vốn cổ phần, các quỹ dự trữ, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối).

**Hệ số đòn bẩy tài chính**

Hệ số đòn bẩy tài chính của Công ty tại ngày kết thúc niên độ kế toán như sau:

	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Các khoản vay	53.273.735.370	37.205.114.839
Trừ: Tiền và các khoản tương đương tiền	2.917.656.003	3.499.241.715
Nợ thuần	50.356.079.367	33.705.873.124
Vốn chủ sở hữu	203.601.301.847	174.766.634.014
<b>Tỷ lệ nợ thuần trên vốn chủ sở hữu</b>	<b><u>0,25</u></b>	<b><u>0,19</u></b>



**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính***Các chính sách kế toán chủ yếu**

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, và công nợ tài chính được trình bày tại Thuyết minh số 4.

**Các loại công cụ tài chính**

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
<b>Tài sản tài chính</b>		
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.917.656.003	3.499.241.715
Đầu tư tài chính ngắn hạn	134.100.000.000	91.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.941.346.340	22.763.071.440
Các khoản ký quỹ	270.000.000	270.000.000
	<b>154.229.002.343</b>	<b>117.532.313.155</b>
<b>Công nợ tài chính</b>		
Các khoản vay	53.273.735.370	37.205.114.839
Phải trả người bán và phải trả khác	8.648.846.164	9.975.035.826
Chi phí phải trả	7.770.814.618	7.134.185.099
	<b>69.693.396.152</b>	<b>54.314.335.764</b>

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư số 210/2009/TT-BTC do Bộ Tài chính đã ban hành ngày 06 tháng 11 năm 2009 ("Thông tư 210") cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế về việc trình bày báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực báo cáo tài chính Quốc tế.

**Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính**

Công ty đã xây dựng hệ thống quản lý rủi ro nhằm phát hiện và đánh giá các rủi ro mà Công ty phải chịu, thiết lập các chính sách và quy trình kiểm soát rủi ro ở mức chấp nhận được. Hệ thống quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của điều kiện thị trường và hoạt động của Công ty.

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá và rủi ro lãi suất), rủi ro tín dụng và rủi ro thanh khoản.

**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa các rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính này.

**Quản lý rủi ro tỷ giá**

Công ty thực hiện một số các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó, Công ty sẽ chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá. Giá trị ghi sổ của các tài sản bằng tiền và công nợ bằng tiền có gốc ngoại tệ tại thời điểm cuối năm như sau:



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

	<b>Tài sản</b>		<b>Công nợ</b>	
	31/12/2014	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2013
	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>	<u>VND</u>
USD	<u>12.793.694.062</u>	<u>14.258.735.133</u>	<u>53.273.735.370</u>	<u>37.205.114.839</u>

**Phân tích độ nhạy đối với ngoại tệ**

Công ty chủ yếu chịu ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá của đô la Mỹ. Tỷ lệ thay đổi 2% được Ban Giám đốc sử dụng khi phân tích rủi ro tỷ giá và thể hiện đánh giá của Ban Giám đốc về mức thay đổi có thể có của tỷ giá. Phân tích độ nhạy với ngoại tệ chỉ áp dụng cho các số dư của các khoản mục tiền tệ bằng ngoại tệ tại thời điểm cuối năm và điều chỉnh việc đánh giá lại các khoản mục này khi có 2% thay đổi của tỷ giá. Nếu tỷ giá đô la Mỹ so với đồng Việt Nam tăng/giảm 2% thì lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm của Công ty sẽ giảm/tăng một khoản tương ứng với số tiền là 809.600.826 đồng (năm 2013: 458.927.594 đồng).

**Quản lý rủi ro lãi suất**

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Rủi ro này sẽ được Công ty quản lý bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay và phân tích tình hình cạnh tranh trên thị trường để có được lãi suất có lợi cho Công ty từ các nguồn cho vay thích hợp.

**Độ nhạy của lãi suất**

Với giả định là các biến số khác không thay đổi và giả định số dư tiền vay cuối năm là số dư tiền vay trong suốt năm tài chính, nếu lãi suất của các khoản vay tăng/giảm 20 điểm cơ bản thì lợi nhuận trước thuế của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 sẽ giảm/tăng 106.547.471 đồng (năm 2013: 74.410.230 đồng).

**Rủi ro tín dụng**

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

**Quản lý rủi ro thanh khoản**

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các cổ đông cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Các bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với tài sản tài chính và công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận.

Các bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của tài sản tài chính và dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MÃU SỐ B 09-DN**

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính

31/12/2014	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	2.917.656.003	-	2.917.656.003
Đầu tư tài chính ngắn hạn	134.100.000.000	-	134.100.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	16.941.346.340	-	16.941.346.340
Các khoản ký quỹ	-	270.000.000	270.000.000
	<b>153.959.002.343</b>	<b>270.000.000</b>	<b>154.229.002.343</b>
Các khoản vay	53.273.735.370	-	53.273.735.370
Phải trả người bán và phải trả khác	8.648.846.164	-	8.648.846.164
Chi phí phải trả	7.770.814.618	-	7.770.814.618
	<b>69.693.396.152</b>	-	<b>69.693.396.152</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>84.265.606.191</b>	<b>270.000.000</b>	<b>84.535.606.191</b>
31/12/2013	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Tổng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	3.499.241.715	-	3.499.241.715
Đầu tư tài chính ngắn hạn	91.000.000.000	-	91.000.000.000
Phải thu khách hàng và phải thu khác	22.763.071.440	-	22.763.071.440
Các khoản ký quỹ	-	270.000.000	270.000.000
	<b>117.262.313.155</b>	<b>270.000.000</b>	<b>117.532.313.155</b>
Các khoản vay	37.205.114.839	-	37.205.114.839
Phải trả người bán và phải trả khác	9.975.035.826	-	9.975.035.826
Chi phí phải trả	7.134.185.099	-	7.134.185.099
	<b>54.314.335.764</b>	-	<b>54.314.335.764</b>
<b>Chênh lệch thanh khoản thuần</b>	<b>62.947.977.391</b>	<b>270.000.000</b>	<b>63.217.977.391</b>

Ban Giám đốc đánh giá rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

**29. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN**

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với Ban Giám đốc Công ty:

	2014 VND	2013 VND
Ứng trước tiền mua lại đất và xưởng Phú An cho ông Lê Hồng Thắng - Tổng Giám đốc	3.500.000.000	-
Thanh toán tiền thuê xưởng Phú An cho ông Lê Hồng Thắng - Tổng Giám đốc	264.000.000	264.000.000



**CÔNG TY CỔ PHẦN CHẾ BIẾN GỖ ĐỨC THÀNH**

21/6D Phan Huy Ích, Phường 14, Quận Gò Vấp

Thành phố Hồ Chí Minh, CHXHCN Việt Nam

**Báo cáo tài chính**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014

**THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (Tiếp theo)****MẪU SỐ B 09-DN***Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính*

Thu nhập của các thành viên Hội đồng Quản trị và Ban Giám đốc Công ty được hưởng trong năm như sau:

	2014 <u>VND</u>	2013 <u>VND</u>
Lương và thưởng cho Ban Giám đốc	<u>2.214.932.000</u>	<u>2.269.965.000</u>

Sổ dư với Ban Giám đốc tại ngày lập báo cáo tài chính như sau:

	31/12/2014 <u>VND</u>	31/12/2013 <u>VND</u>
Ứng trước tiền mua lại đất và xưởng Phú An cho ông Lê Hồng Thắng - Tổng Giám đốc	<u>3.500.000.000</u>	<u>-</u>

**30. PHÊ DUYỆT PHÁT HÀNH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Báo cáo tài chính của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2014 đã được Hội đồng Quản trị Công ty phê duyệt để phát hành vào ngày 30 tháng 3 năm 2015.



**Trần Nguyễn Việt Trung**  
Người lập



**Bùi Phương Thảo**  
Kế toán trưởng



**Lê Hồng Thắng**  
Tổng Giám đốc  
Ngày 30 tháng 3 năm 2015

**Văn phòng Hà Nội**

Tầng 12A, Tòa nhà Vinaconex  
34 Láng Hạ, Quận Đống Đa  
Hà Nội, Việt Nam  
Tel : +84 4 6288 3568  
Fax: +84 4 6288 5678

**Văn phòng Thành phố Hồ Chí Minh**

Tầng 18, Tòa nhà Times Square,  
22-36 Nguyễn Huệ, Quận 1  
Tp. Hồ Chí Minh, Việt Nam  
Tel : +84 8 3910 0751  
Fax: +84 8 3910 0750

[www.deloitte.com/vn](http://www.deloitte.com/vn)